

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi là Luật) về thiệt hại được bồi thường, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường, trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại và một số biện pháp tổ chức thi hành Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, người bị thiệt hại, người yêu cầu bồi thường, người giải quyết bồi thường, người thi hành công vụ gây thiệt hại và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước.

Chương II

THIỆT HẠI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

Điều 3. Xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm quy định tại Điều 23 của Luật

1. Giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng trên thị trường quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật là giá giao dịch phổ biến trung bình trên thị trường của 03 tài sản đó do 03 cơ sở kinh doanh khác nhau trên thị trường cung cấp.

2. Thị trường quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật là thị trường trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là thị trường cấp huyện) nơi phát sinh thiệt hại thực tế.

Trường hợp thị trường cấp huyện nơi phát sinh thiệt hại thực tế không có tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng thì thị trường là thị trường cấp huyện gần nhất với nơi phát sinh thiệt hại thực tế trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Mức độ hao mòn của tài sản quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định.

4. Giá thị trường để sửa chữa, khôi phục lại tài sản bị hư hỏng quy định tại khoản 2 Điều 23 của Luật là giá giao dịch phổ biến trung bình trên thị trường cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều này để sửa chữa, khôi phục lại tài sản do 03 cơ sở dịch vụ sửa chữa, khôi phục khác nhau trên thị trường cung cấp.

5. Trường hợp không xác định được giá thị trường theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này thì cơ quan giải quyết bồi thường định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

6. Mức giá thuê trung bình 01 tháng của động sản cùng loại hoặc có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật là mức giá thuê trung bình 01 tháng của 03 tài sản đó do 03 cơ sở khác nhau cho thuê trên thị trường cung cấp. Thị trường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Mức giá thuê trung bình 01 tháng đối với bất động sản là mức giá thuê trung bình của 03 bất động sản cùng loại, cùng chất lượng do 03 cơ sở khác nhau cho thuê trên thị trường cung cấp. Thị trường được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Thời điểm thiệt hại xảy ra quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 23 của Luật là ngày phát sinh thiệt hại thực tế.

Điều 4. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 23 của Luật

1. Khoảng thời gian để tính thu nhập thực tế bị mất quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật do tài sản đã bị phát mại, bị mất được tính từ ngày tài sản bị phát mại, bị mất đến thời điểm thụ lý hồ sơ yêu cầu bồi thường theo quy định tại Điều 43 của Luật hoặc đến thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị thiệt hại đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Luật (sau đây gọi là thời điểm thụ lý, giải quyết).

2. Khoảng thời gian để tính thu nhập thực tế bị mất quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật do không được sử dụng, khai thác tài sản bị thu giữ, tạm giữ, kê biên, tịch thu trái pháp luật hoặc do tài khoản bị phong tỏa được tính từ ngày không được sử dụng, khai thác tài sản đến ngày tài sản được trả lại hoặc đến ngày tài khoản được giải tỏa.

3. Khoảng thời gian để tính khoản lãi quy định tại khoản 4 Điều 23 của Luật đối với khoản tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước hoặc bị tịch thu, thi hành án, đã đặt để bảo đảm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được tính từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước, bị tịch thu, bị thi hành án, đặt tiền để bảo đảm theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền trả lại khoản tiền đó.

4. Khoảng thời gian để tính khoản lãi quy định tại khoản 5 Điều 23 của Luật đối với khoản tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch dân sự, kinh tế được xác định như sau:

a) Đối với khoản lãi của khoản tiền phạt quy định tại đoạn 2 khoản 5 Điều 23 của Luật thì được tính từ ngày nộp khoản tiền phạt đến thời điểm người bị thiệt hại trả xong khoản lãi của khoản tiền phạt;

b) Đối với khoản lãi của khoản tiền phạt quy định tại đoạn 3 khoản 5 Điều 23 của Luật thì được tính từ ngày nộp khoản tiền phạt đến thời điểm thụ lý, giải quyết.

5. Trường hợp đến thời điểm thụ lý, giải quyết mà thiệt hại quy định tại khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này chưa chấm dứt thì khoảng thời gian được tính từ ngày phát sinh thiệt hại thực tế đến thời điểm thụ lý, giải quyết.

Điều 5. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại Điều 24 của Luật

1. Khoảng thời gian tiền lương, tiền công bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật được tính từ ngày không được nhận tiền lương, tiền công hoặc từ ngày tiền lương, tiền công bị giảm sút đến ngày được nhận đủ tiền lương, tiền công, trừ trường hợp quy định tại Điều 6, 7, 8 và 9 Nghị định này.

Trường hợp tại thời điểm thụ lý, giải quyết mà người bị thiệt hại chưa được nhận đủ tiền lương, tiền công thì khoảng thời gian quy định tại khoản này được tính từ ngày không được nhận tiền lương, tiền công hoặc từ ngày tiền lương, tiền công bị giảm sút đến thời điểm thụ lý, giải quyết.

2. Mức tiền lương, tiền công trung bình của 03 tháng liền kề đối với thu nhập không ổn định từ tiền lương, tiền công quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật được xác định là mức tiền lương, tiền công trung bình của 03 tháng có thu nhập gần nhất trước thời điểm thiệt hại xảy ra.

Điều 6. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại Điều 24 của Luật trong trường hợp người bị thiệt hại bị áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định tiền lương, tiền công bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật được tính từ ngày người bị thiệt hại bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính đến ngày chấp hành xong biện pháp đó.

2. Mức tiền lương, tiền công trung bình của 03 tháng liền kề đối với thu nhập không ổn định từ tiền lương, tiền công được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại Điều 24 của Luật trong trường hợp công chức từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật

Khoảng thời gian làm căn cứ xác định tiền lương bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại là công chức từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật được xác định trong các trường hợp sau đây:

1. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết mà tuổi của người bị thiệt hại thấp hơn tuổi nghỉ hưu và người bị thiệt hại đã được khôi phục việc làm thì khoảng thời gian được tính từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực pháp luật đến ngày người đó được khôi phục việc làm.

Trường hợp đến thời điểm thụ lý, giải quyết mà người bị thiệt hại quy định tại khoản này chưa được khôi phục việc làm thì khoảng thời gian được tính từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực pháp luật đến thời điểm thụ lý, giải quyết;

2. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết mà tuổi của người bị thiệt hại bằng hoặc cao hơn tuổi nghỉ hưu mà trước thời điểm người bị thiệt hại đủ tuổi nghỉ hưu, người đó đã được khôi phục việc làm thì khoảng thời gian được tính từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực pháp luật đến ngày người đó được khôi phục việc làm.

Trường hợp đến thời điểm thụ lý, giải quyết mà người bị thiệt hại quy định tại khoản này chưa được khôi phục việc làm thì khoảng thời gian được tính từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực pháp luật đến ngày đủ tuổi nghỉ hưu và khoảng thời gian hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

3. Trường hợp người bị thiệt hại chết trước khi được khôi phục việc làm thì khoảng thời gian quy định tại Điều này được tính từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực pháp luật đến ngày người đó chết.

Điều 8. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại Điều 24 của Luật trong trường hợp bị thiệt hại trong hoạt động tổ tụng hình sự

1. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định tiền lương, tiền công bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật của người bị thiệt hại trong hoạt động tổ tụng hình sự được xác định trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị thiệt hại bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì khoảng thời gian được tính từ ngày người bị thiệt hại bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đến ngày được trả tự do;

b) Người bị thiệt hại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án mà bị tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù thì khoảng thời gian được tính từ ngày người bị thiệt hại bị bắt, tạm giữ, tạm giam đến ngày chấp hành xong biện pháp ngăn chặn hoặc từ ngày bắt đầu chấp hành hình phạt tù đến ngày chấp hành xong hình phạt tù;

c) Người bị thiệt hại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án mà không bị tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù thì khoảng thời gian được tính từ ngày người bị thiệt hại bị khởi tố đến ngày có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc chấp hành xong hình phạt;

d) Người bị thiệt hại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án mà có khoảng thời gian bị tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù và có khoảng thời gian không bị tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù thì khoảng thời gian được tính từ ngày người bị thiệt hại bị khởi tố đến ngày chấp hành xong biện pháp ngăn chặn, chấp hành xong hình phạt hoặc đến ngày có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường.

2. Mức tiền lương, tiền công trung bình của 03 tháng liền kề đối với thu nhập không ổn định từ tiền lương, tiền công được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Điều 9. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại Điều 24 của Luật trong trường hợp người bị thiệt hại mất hoặc suy giảm khả năng lao động

1. Khoảng thời gian làm căn cứ xác định tiền lương, tiền công bị mất hoặc bị giảm sút quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 24 của Luật của người bị thiệt hại mất hoặc suy giảm khả năng lao động có tham gia đóng bảo hiểm xã hội được xác định trong các trường hợp sau đây: